

Bản án số: 413/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2023

V/v “Ly hôn giữa bà T và ông X”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Bà Phan Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXX-ST ngày 01/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1984 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 614/2 Đường H, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 01/02/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Văn X tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 15/10/2007 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh K cấp).

Trong quá trình chung sống với nhau do không hợp nhau về cách sống nên cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, ông X đam mê cờ bạc, nhiều lần gây nợ nần, đến hôm nay ông X đã phạm lỗi 10 lần, trước đây bà đã nộp đơn xin ly hôn nhưng ông X hứa sẽ thay đổi, không cờ bạc nên bà rút đơn về để gia đình đoàn tụ nhưng đến nay ông X vẫn không

thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn X để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh W, sinh ngày 14/4/2009 và Nguyễn Hiếu Y, sinh ngày 20/3/2015. Bà T yêu cầu được nhận nuôi 02 con, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày tại bản khai ngày 16/3/2023 và phiên hòa giải ngày 24/3/2023: Ông xác nhận lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, ông cũng có cờ bạc gây nợ nần nhưng không lớn, ông hứa sẽ từ bỏ để xây dựng gia đình đoàn tụ. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Nay ông đề nghị bà T cho ông thời gian thay đổi và Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình. Ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh W, sinh ngày 14/4/2009 và Nguyễn Hiếu Y, sinh ngày 20/3/2015. Ông X yêu cầu được nhận nuôi 02 con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên các ý kiến theo đơn xin ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định... của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của bà T tại đơn xin ly hôn và bản khai thì bà T và ông X sống không hòa Y, phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được do ông X thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, bà T đã tạo cơ hội nhưng ông X không sửa đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn X; Về con chung do thực tế hiện nay hai con đang ở trọ với bà T từ lúc bà T

và ông X ly thân, các con cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao hai con cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định không có. Về án phí, bà T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X có nơi cư trú tại Quận X nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn X có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn X vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 do ông X đam mê cờ bạc thường xuyên gây nợ nần, gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, bà đã tha thứ bỏ qua cả 10 lần nhưng ông X vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên thường xảy ra gây cãi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Văn X.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết ông có làm bản tự khai và tham gia phiên hòa giải, ông thừa nhận mình có chơi cờ bạc gây ra nợ nần nhưng việc đó không đáng để ly hôn vì nợ ông gây ra ông sẽ trả, ông không muốn ly hôn với bà T để gia đình tan vỡ ảnh hưởng đến con cái.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Ông X nhiều lần gây ra nợ nần do cờ bạc, gia đình đã tạo điều kiện giúp ông trả nợ nhưng ông vẫn không thay đổi, do hiện nay ông vẫn tiếp tục chơi cờ bạc gây nợ nần, không chịu được nên bà T đã dẫn hai con ra ngoài thuê nhà trọ để sống ly thân với ông từ cuối năm 2022. Ông X không muốn ly hôn nhưng không chịu sửa đổi bản thân, vì vào năm 2018 bà T đã nộp đơn xin ly hôn vì lý do ông cờ bạc gây nợ

nần, ông X đã hứa từ bỏ cờ bạc, xin bà T rút đơn về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy hai con nhưng đến nay ông vẫn thường xuyên gây nợ nần, chứng tỏ bị đơn

không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh W, sinh ngày 14/4/2009 và Nguyễn Hiếu Y, sinh ngày 20/3/2015.

Cả bà T và ông X đều có yêu cầu được nhận nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thực tế hiện nay bà T là công nhân và ông X là lao động tự do ở cơ sở mai táng, từ một năm nay bà T đã dẫn hai con ra ngoài thuê nhà trọ để ở riêng, ông X cũng qua lại chở con đi học, cuộc sống của các con vẫn ổn định khi sống cùng bà T, mặc khác nguyện vọng của hai con là muốn sống cùng với mẹ. Tại phiên tòa hôm nay ông X vắng mặt lần thứ 2 cũng không có ý kiến trình bày cho yêu cầu của mình, chứng tỏ ông không mong muốn được nhận nuôi 02 con. Do đó, cần giao hai con cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác định không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn X được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn X.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 15/10/2007 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh K cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: giao hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh W(nữ), sinh ngày 14/4/2009 và Nguyễn Hiếu Y (nam), sinh ngày 20/3/2015 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Trần Thị T

Các bên phải tạo mọi điều kiện cho nhau khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Trần Thị T phải chịu; nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012943 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.X;
- CCTHADS Q.X;
- UBND xã G, huyện P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu